

Số: /QĐ-UBND

Quảng Yên, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng) xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa (phần đất ở)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2044/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về Quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định: Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024; quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 10/03/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 18/10/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu tái định cư phía Tây đường Tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng) xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương;

Căn cứ quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 07/05/2025 của Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt giá đất cụ thể là cơ sở tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu tái

định cư phía Tây đường Tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng) xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương;

Căn cứ Công văn số 3212/UBND-TNMT ngày 21/8/2024 của UBND huyện Quảng Xương về việc thống nhất chủ trương, vị trí, quỹ đất để bồi thường bằng đất trong GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng) xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương;

Căn cứ Thông báo số 263/TB-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện Quảng Xương về việc Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án: Khu tái định cư phía Tây đường Tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng) xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương;

Theo đề nghị của Hội đồng GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng) xã Quảng Yên tại tờ trình số 14/TTr-HĐGPMB ngày 11/08/2025; đề nghị của phòng Kinh tế tại tờ trình số 96/TTr-KT ngày 13/08/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng), xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng), xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

a. Tổng diện tích đất thu hồi lần này: 600m², loại đất: đất ở tại nông thôn;
b. Tổng số người có đất thu hồi: 4 hộ gia đình, cá nhân;
c. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề: không áp dụng.
d. Phương án bố trí tái định cư: không có người phải bố trí tái định cư;
đ. Phương án di dời mồ mã: trong phương án bồi thường, hỗ trợ lần này không có mồ mã phải di chuyển;

e. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: trong phạm vi đất thu hồi lần này không có công trình hạ tầng;

g. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ tính bằng tiền **5.140.800.000 đồng** (Năm tỷ một trăm bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng chẵn), trong đó:

+ Bồi thường về đất là: 5.040.000.000 đồng;

+ Bồi thường tài sản gắn liền với đất 0.000 đồng;

+ Chi phí thực hiện giải phóng mặt bằng: 100.800.000 đồng.

- Tiền sử dụng đất phải nộp khi bồi thường bằng đất

Tổng tiền sử dụng đất của các hộ phải nộp khi bồi thường bằng đất: **4.940.608.000 đồng** (Bốn tỷ, chín trăm bốn mươi triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng), (Chi tiết có dự toán chi tiết kèm theo)

- Tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi sau khi trừ đi tiền sử dụng đất là 170.720.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Chi phí thực hiện GPMB là 100.800.000 đồng.

Tổng giá trị phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư (sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp khi bồi thường bằng đất) là **271.520.000 đồng** (hai trăm Hai trăm bảy mươi một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

h. Tiến độ thực hiện phương án, hỗ trợ, tái định cư: trong tháng 8 và tháng 9 năm 2025.

i. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi: theo khoản 2 của quyết định.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

(Có phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

Căn cứ Điều 1 của Quyết định này các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm sau:

1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng), xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa.

Phối hợp với trưởng thôn nơi có đất thu hồi trong thực hiện các công việc:

- Giao quyết định này đến từng hộ gia đình, cá nhân có tên ở Điều 1;
- Công khai, dán niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở UBND xã và các Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi.

- Tổ chức thực hiện chi trả bồi thường, giao đất (cho người nhận bồi thường bằng đất) cho các hộ và quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phòng Kinh tế

Hướng dẫn người có đất thu hồi hoàn thiện các thủ tục có liên quan đến việc giao đất, cấp giấy chứng nhận (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với Hội đồng GPMB, bàn giao đất ngoài thực địa cho người có đất thu hồi được bồi thường bằng đất.

3. Người có đất bị thu hồi

- Có trách nhiệm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng), xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa ngay sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) cho hội đồng GPMB đối với giấy chứng nhận có diện tích đất thu hồi.

- Phối hợp với Hội đồng GPMB để nhận đất bồi thường, hoàn thiện các thủ tục trong việc giao đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng), xã Quảng Yên; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; các hộ gia đình, cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã;
- Lưu VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Hà Thanh

**PHƯƠNG ÁN, CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
Khu tái định cư phía tây đường tỉnh lộ 504 (phục vụ dự án khoáng nóng), xã Quang Yên
(phần đất ở)**

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Quảng Yên)

| Stt | Họ và tên | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích bồi thường (m2) | Loại đất | Đơn giá bồi thường (đ) | Giá trị Bồi thường về đất (đồng) | Bồi thường về tài sản trên đất là nhà ở, vật kiến trúc (đ) | Bồi thường về cây cối hoa màu trên đất (đ) | Kinh phí khác (VN đồng) | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (VN đồng) | Ghi chú |
|-------------------------------------|---|--|---------|---------------------------|----------|------------------------|---|--|--|--|---|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12=8+9+10+11 | |
| A | Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ | | | | | | | | | | | |
| I | Bồi thường về đất, tài sản trên đất | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Văn Hải | 12 | 1152 | 150 | ONT | 9.600.000 | 1.440.000.000 | 0 | 0 | 0 | 1.440.000.000 | |
| 2 | Bùi Thị Hương | 12 | 1153 | 150 | ONT | 8.000.000 | 1.200.000.000 | 0 | 0 | 0 | 1.200.000.000 | |
| 3 | Nguyễn Văn Nam | 13 | 1046 | 150 | ONT | 8.000.000 | 1.200.000.000 | 0 | 0 | 0 | 1.200.000.000 | |
| 4 | Lê Văn Thành | 13 | 1047 | 150 | ONT | 8.000.000 | 1.200.000.000 | 0 | 0 | 0 | 1.200.000.000 | |
| Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ | | | | | | | 5.040.000.000 | 0 | 0 | 0 | 5.040.000.000 | |
| B | Vị trí diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất | | | | | | | | | | | |
| STT | Họ tên người được bồi thường bằng đất | Thông tin lô đất được bồi thường bằng đất | | | | | Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) | | | Số tiền sử dụng đất phải nộp (-); tiền bồi thường được nhận | | |

| | | Số lô | Thửa | tờ bản đồ | diện tích (m2) | Đơn giá tính tiền sử dụng đất (đ) | Thành tiền | | | | |
|----------|---|------------|------|-----------|----------------|-----------------------------------|---------------|--|-------------|--------------------|--|
| 1 | Trần Văn Hải | TDC-05 | | 12 | 157,43 | 9.600.000 | 1.511.328.000 | Thực hiện theo thông báo của cơ quan thuế, người sử dụng đất phải nộp trước khi cấp giấy chứng nhận QSD đất | -71.328.000 | phải nộp thêm tiền | |
| 2 | Bùi Thị Hương | TDC-01:03 | | 12 | 137,96 | 8.000.000 | 1.103.680.000 | | 96.320.000 | | |
| 3 | Nguyễn Văn Nam (nguyễn Thị Tân) | TDC-02: 03 | | 12 | 140,75 | 8.000.000 | 1.126.000.000 | | 74.000.000 | | |
| 4 | Lê Văn Thành | TDC-03:01 | | 12 | 149,95 | 8.000.000 | 1.199.600.000 | | 400.000 | | |
| | Tổng tiền sử dụng đất phải nộp (chưa bao gồm tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính khác (nếu có)) | | | | | | | 4.940.608.000 | | | |
| C | Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất | | | | | | | | | 170.720.000 | |
| D | Kinh phí thực hiện GPMB 2%*A | | | | | | | | | 100.800.000 | |
| | Tổng D+C | | | | | | | | | 271.520.000 | |